

THÔNG TƯ

Quy định về thực hiện dân chủ ở cơ sở trong Quân đội nhân dân Việt Nam

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định về thực hiện dân chủ ở cơ sở trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về nội dung, cách thức thực hiện dân chủ ở cơ sở; quyền, nghĩa vụ của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ (sau đây viết chung là quân nhân), công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động trong thực hiện dân chủ và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp trong việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động, người sử dụng lao động, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện dân chủ ở cơ sở trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Người làm công tác cơ yếu, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Thực hiện dân chủ ở cơ sở trong Quân đội*: Là phương thức phát huy quyền làm chủ của công dân, đề quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động được thông tin, thể hiện ý chí, nguyện vọng, chính kiến của mình thông qua việc thảo luận, tham gia ý kiến, quyết định và kiểm tra, giám sát các vấn đề ở cơ sở theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

2. *Hội nghị tập thể quân nhân*: Là hội nghị toàn thể quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động do chỉ huy cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức.

3. *Người sử dụng lao động*: Là doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức có thuê mướn, sử dụng người lao động làm việc cho mình theo thỏa thuận (đại diện người sử dụng lao động là chỉ huy cơ quan, người đứng đầu tổ chức, tổng giám đốc, giám đốc doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền hợp pháp quản lý điều hành doanh nghiệp).

4. *Người lao động*: Là người làm việc cho người sử dụng lao động theo thỏa thuận, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành, giám sát của người sử dụng lao động.

5. *Đối thoại tại nơi làm việc*: Là việc chia sẻ thông tin, tham khảo, thảo luận, trao đổi ý kiến giữa người sử dụng lao động với người lao động về những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng và mối quan tâm của các bên tại nơi làm việc nhằm tăng cường sự hiểu biết, hợp tác, cùng nỗ lực hướng tới giải pháp các bên cùng có lợi.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, công tác quản lý, điều hành của người chỉ huy, người sử dụng lao động; các cấp phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức quần chúng và Hội đồng quân nhân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước; kỷ luật của Quân đội; không trái với đạo đức xã hội; bảo vệ lợi ích và không cản trở hoạt động bình thường của cá nhân, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp.

3. Công khai, minh bạch các nội dung thực hiện dân chủ; tăng cường trách nhiệm giải trình của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, bảo đảm quyền của công dân, quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động trong thực hiện dân chủ ở cơ sở.

4. Tôn trọng, lắng nghe ý kiến, kịp thời giải trình, giải quyết kiến nghị, phản ánh; bảo vệ lợi ích của tập thể, quyền và lợi ích hợp pháp của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động, người sử dụng lao động.

Điều 5. Quyền của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động trong thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Được công khai thông tin và yêu cầu cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo phân cấp, bảo đảm đúng quy định của pháp luật, Bộ Quốc phòng về bảo vệ bí mật Nhà nước, bí mật quân sự.

2. Tham gia ý kiến và thực hiện các nội dung dân chủ ở cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp theo các quy định tại Chương II và Chương III Thông tư này.

3. Kiểm tra, giám sát, phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, khởi kiện đối với các quyết định, hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp trong thực hiện dân chủ theo quy định.

4. Được bảo đảm các quyền dân chủ về quân sự - chuyên môn, chính trị, kinh tế - đời sống và các quyền về thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật có liên quan; được thụ hưởng thành quả của cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp nơi công tác, làm việc; được tạo điều kiện để tham gia học tập, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phương pháp tác phong công tác.

Điều 6. Nghĩa vụ của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động trong thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Chấp hành nghiêm đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, của cấp ủy, chỉ huy cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và quyết định của tập thể quân nhân, tập thể người lao động về thực hiện dân chủ.

2. Tham gia ý kiến về các nội dung được đưa ra lấy ý kiến theo quy định tại Thông tư này, quy định của Bộ Quốc phòng và pháp luật có liên quan.

3. Kịp thời phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo đến cấp có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, quy định của Bộ Quốc phòng về thực hiện dân chủ.

4. Tôn trọng nhân cách, bảo đảm ổn định tình hình, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân.

Điều 7. Các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động về thực hiện dân chủ.

2. Tổ chức hòm thư góp ý và công khai số điện thoại của cán bộ chủ trì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp để tiếp nhận thông tin của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động.

Thực hiện nghiêm các quy định về đối thoại dân chủ, giải quyết nội dung phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo. Chủ động phát hiện và xử lý nghiêm biểu hiện trù dập, đe dọa người tham gia ý kiến, phản ánh, tố cáo.

3. Tổ chức tiếp công dân theo quy định của pháp luật, kịp thời giải quyết những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

4. Phát huy vai trò các tổ chức quần chúng (thanh niên, công đoàn, phụ nữ) và Hội đồng quân nhân trong thực hiện giám sát, phản biện xã hội; tham gia góp ý xây dựng tổ chức đảng, xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động, đoàn viên, hội viên.

5. Biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân, tổ chức thực hiện có hiệu quả việc phát huy dân chủ; phát hiện và xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật, quy định của Bộ Quốc phòng về thực hiện dân chủ.

6. Hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng khoa học, trang bị phương tiện kỹ thuật và bảo đảm các điều kiện cần thiết cho việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở phù hợp với xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số trong Bộ Quốc phòng.

Điều 8. Các hành vi nghiêm cấm trong thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Ngăn cấm, gây khó khăn cho quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động trong thực hiện dân chủ, để xảy ra những vấn đề phức tạp ảnh hưởng đến cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

2. Giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo không đúng quy định; trù dập, làm lộ, lọt thông tin về người tố cáo, người cung cấp thông tin về hành vi vi phạm có liên quan đến việc thực hiện dân chủ.

3. Lợi dụng việc thực hiện dân chủ để xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; vi phạm điều lệnh, điều lệ, kỷ luật của Quân đội; gây mâu thuẫn trong nội bộ và đoàn kết quân dân, gây thiệt hại cho cá nhân, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và Quân đội.

4. Sử dụng các thủ đoạn để làm sai lệch kết quả tham gia ý kiến, quyết định của tập thể quân nhân, tập thể người lao động, các vấn đề liên quan đến thực hiện nhiệm vụ của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động theo quy định tại Thông tư này.

Điều 9. Xử lý vi phạm pháp luật trong thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động có hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp vi phạm quy định về thực hiện dân chủ, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm để xử lý theo quy định của Quân đội; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương II

THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Mục 1

CÔNG KHAI THÔNG TIN Ở CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 10. Những nội dung chỉ huy cơ quan, đơn vị phải công khai

Trừ các nội dung có xác định độ mật, việc phổ biến, quán triệt theo quy định phân cấp quản lý tài liệu mật, chỉ huy các cơ quan, đơn vị phải công khai các nội dung sau:

1. Đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến Quân đội và cơ quan, đơn vị.

2. Chủ trương, giải pháp của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, cấp ủy, chỉ huy cơ quan, đơn vị; nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị; kế hoạch công tác năm, quý, tháng; các quy định, quy tắc, điều lệnh, điều lệ chuyên môn.

3. Nội quy, quy chế, quy định của cơ quan, đơn vị. Số liệu, báo cáo về công tác thu, chi tài chính theo phân cấp. Các nội dung liên quan đến công tác nhân sự, giải quyết chế độ, chính sách, đánh giá, xếp loại chất lượng sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động; khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, phục viên, xuất ngũ đối với quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động.

4. Nội dung kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ phải kê khai theo quy định của pháp luật.

5. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết nội dung phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ.

6. Kết quả tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động về những nội dung được tham gia ý kiến theo quy định tại Điều 17 Thông tư này.

7. Văn bản chỉ đạo, điều hành của chỉ huy cấp trên liên quan đến hoạt động của cơ quan, đơn vị.

Điều 11. Hình thức và thời điểm công khai thông tin

1. Hình thức công khai thông tin:

- a) Thông báo bằng văn bản đến các tổ chức và toàn thể quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động;
- b) Trên hệ thống thông tin nội bộ hoặc đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, bảng tin;
- c) Tại hội nghị quân chính, giao ban chỉ huy các cấp, sinh hoạt tập thể quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động.

2. Nội dung thông tin phải được công khai chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định, văn bản của cấp ủy, chỉ huy cơ quan, đơn vị về nội dung cần công khai. Đối với các đơn vị đóng quân ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, thời gian phải công khai chậm nhất là 10 ngày làm việc.

Điều 12. Trách nhiệm trong thực hiện việc công khai thông tin

1. Trường hợp cơ quan, đơn vị đã có trang thông tin điện tử nội bộ hoặc hệ thống thông tin điện tử nội bộ thì chỉ huy cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức đăng tải các thông tin theo quy định tại Điều 10 Thông tư này lên trang thông tin điện tử nội bộ hoặc hệ thống thông tin điện tử nội bộ ít nhất là 20 ngày liên tục kể từ ngày bắt đầu đăng tin, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Trường hợp cơ quan, đơn vị chưa có trang thông tin điện tử nội bộ hoặc hệ thống thông tin điện tử nội bộ thì chỉ huy cơ quan, đơn vị có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức niêm yết các thông tin theo quy định tại Điều 10 Thông tư này trong cơ quan, đơn vị và nơi làm việc của các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý ít nhất là 20 ngày liên tục tính từ ngày niêm yết, trừ trường hợp đã thông báo bằng văn bản đến toàn thể quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động thuộc quyền.

3. Ngoài thực hiện công khai thông tin bằng các hình thức quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, căn cứ vào đặc điểm, tính chất hoạt động và nội dung cần công khai, chỉ huy cơ quan, đơn vị có thể quyết định lựa chọn thêm các hình thức công khai khác theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này phù hợp với điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị, bảo đảm việc tiếp cận thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời, thuận lợi.

Mục 2

QUÂN NHÂN, CÔNG NHÂN, VIÊN CHỨC QUỐC PHÒNG, NGƯỜI LAO ĐỘNG BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH

Điều 13. Những nội dung được bàn và quyết định

1. Bầu, cho thôi là ủy viên Hội đồng quân nhân, Ban Thanh tra nhân dân (đối với cơ quan, đơn vị có tổ chức công đoàn).

2. Việc thu, chi, quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động ngoài các nội dung theo quy định.
3. Nội dung chương trình hành động của tập thể quân nhân.
4. Các nội dung khác trong nội bộ không trái với quy định của pháp luật và Quân đội, phù hợp với đạo đức xã hội.

Điều 14. Hình thức bàn và quyết định

1. Tổ chức sinh hoạt tập thể quân nhân bàn và quyết định các nội dung theo quy định tại Điều 13 Thông tư này trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quân nhân, Công đoàn (nếu có), chỉ huy cơ quan, đơn vị hoặc có ít nhất một phần ba tổng số quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động đề nghị.
2. Trường hợp không thể tổ chức hội nghị tập thể quân nhân vì lý do bất khả kháng thì chỉ huy cơ quan, đơn vị chỉ đạo Hội đồng quân nhân và thống nhất với Công đoàn (nếu có) gửi phiếu lấy ý kiến của toàn thể quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động.

Điều 15. Tổ chức hội nghị tập thể quân nhân về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở

1. Hội nghị tập thể quân nhân về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở do chỉ huy cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức; định kỳ mỗi năm một lần sau khi kết thúc năm công tác của cơ quan, đơn vị; nếu chậm thì trong tháng 01 của năm tiếp theo phải tổ chức do người chỉ huy quyết định sau khi thống nhất với Hội đồng quân nhân và Công đoàn (nếu có).

Hội nghị tập thể quân nhân được tổ chức đột xuất khi có đề xuất của các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 14; hội nghị hằng tháng, quý thực hiện theo quy định tại Điều 24 và Điều 37 Thông tư này.

2. Thành phần dự hội nghị tập thể quân nhân:

a) Cấp đại đội và tương đương tổ chức hội nghị toàn thể quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động trừ trường hợp quy định tại các điểm b, d khoản 2 Điều này;

b) Đối với cấp tiểu đoàn và tương đương hoặc cấp đại đội nhưng làm việc phân tán hoặc vì lý do công tác không thể rời khỏi vị trí làm việc, thì chỉ huy cơ quan, đơn vị thống nhất với Hội đồng quân nhân, Công đoàn (nếu có) quyết định thành phần tham dự hội nghị là toàn thể hoặc đại biểu quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn;

c) Hội nghị được tổ chức hợp lệ khi có ít nhất hai phần ba tổng số quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động hoặc ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu được triệu tập có mặt. Quyết định của hội nghị được thông qua

khi có trên 50% tổng số thành viên dự hội nghị tán thành và nội dung không trái với quy định của pháp luật, Bộ Quốc phòng và cơ quan, đơn vị;

d) Đối với các cơ quan, đơn vị có đơn vị trực thuộc, khi tổ chức hội nghị có thể mời đại diện cấp ủy, chỉ huy và đại diện Hội đồng quân nhân, các tổ chức quần chúng của đơn vị trực thuộc nếu thấy cần thiết.

3. Nội dung của hội nghị tập thể quân nhân:

a) Kiểm điểm việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của Quân đội có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị;

b) Kiểm điểm việc thực hiện chương trình hành động của hội nghị tập thể quân nhân trước đó và những quy định về thực hiện dân chủ tại cơ quan, đơn vị;

c) Thảo luận và quyết định các nội dung theo quy định tại Điều 13 Thông tư này;

d) Thực hiện các nội dung về công khai thông tin; lấy ý kiến của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động về những nội dung theo quy định tại Điều 17 Thông tư này;

đ) Thực hiện các nội dung có liên quan khác theo quyết định của hội nghị.

4. Trình tự tổ chức hội nghị tập thể quân nhân:

a) Chỉ huy cơ quan, đơn vị trình bày báo cáo về các nội dung quy định tại điểm a khoản 3 Điều này và các nội dung quy định tại Điều 13 Thông tư này;

b) Đại diện Hội đồng quân nhân, Công đoàn (nếu có) cơ quan, đơn vị trình bày báo cáo các nội dung quy định tại điểm b khoản 3 Điều này; kết quả giám sát, hỗ trợ quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động thực hiện dân chủ;

c) Quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động tham gia ý kiến, đề xuất, kiến nghị (nếu có);

d) Chỉ huy, Chủ tịch Hội đồng quân nhân, Chủ tịch (Tổ trưởng) Công đoàn (nếu có) cơ quan, đơn vị tiếp thu, giải trình, thống nhất biện pháp tổ chức thực hiện các nội dung được bàn tại hội nghị; giải đáp thắc mắc, kiến nghị các vấn đề thuộc thẩm quyền;

đ) Đại diện Ban Thanh tra nhân dân (nếu có) trình bày báo cáo hoạt động trong năm (hoặc nhiệm kỳ) và chương trình công tác năm (nhiệm kỳ) tiếp theo;

e) Tổ chức trao thưởng, phát động thi đua, ký kết giao ước thi đua (đối với cơ quan, đơn vị có tổ chức công đoàn);

g) Thông qua biên bản hội nghị.

Điều 16. Trách nhiệm trong việc tổ chức đề quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động tham gia ý kiến, quyết định và thực hiện quyết định của tập thể quân nhân

1. Chỉ huy cơ quan, đơn vị chỉ đạo Hội đồng quân nhân và thống nhất với Công đoàn (nếu có) tổ chức hội nghị tập thể quân nhân hoặc gửi phiếu lấy ý kiến đề quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động tham gia ý kiến, quyết định các nội dung theo quy định tại Điều 13 Thông tư này.

2. Người chỉ huy, Hội đồng quân nhân thống nhất với Công đoàn (nếu có) phổ biến, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện chương trình hành động và các nội dung hội nghị tập thể quân nhân đã xác định, quy chế thực hiện dân chủ của cơ quan, đơn vị và các nội dung khác đã được tập thể quân nhân thống nhất, quyết định; kịp thời đề xuất xử lý những phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

3. Quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động, đảng viên, đoàn viên, hội viên có trách nhiệm tham gia ý kiến, quyết định các nội dung theo quy định tại Điều 13 Thông tư này và nghiêm túc thực hiện các quyết định đã được tập thể thống nhất. Trường hợp nhận thấy quyết định của tập thể quân nhân không bảo đảm trình tự, thủ tục hoặc có nội dung trái với quy định của pháp luật, quy định của cơ quan, đơn vị thì có quyền kiến nghị, phản ánh đến lãnh đạo cấp trên trực tiếp của cơ quan, đơn vị hoặc cơ quan khác có thẩm quyền.

Mục 3

QUÂN NHÂN, CÔNG NHÂN, VIÊN CHỨC QUỐC PHÒNG, NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA Ý KIẾN

Điều 17. Những nội dung quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động tham gia ý kiến trước khi chỉ huy cơ quan, đơn vị quyết định

1. Giải pháp thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của Bộ Quốc phòng liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

2. Kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị; trách nhiệm của người chỉ huy trong thực hiện nhiệm vụ.

3. Tham gia bình xét khen thưởng trong thực hiện phong trào thi đua Quyết thắng hằng năm. Tham gia ý kiến và đề xuất hình thức kỷ luật quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động.

4. Các biện pháp cải tiến hoạt động và tác phong công tác; thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, chống quan liêu, tiêu cực, gia trưởng, quân phiệt.

5. Thực hiện chế độ, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động.

6. Báo cáo tổng kết của cơ quan, đơn vị.

7. Dự thảo quy chế thực hiện dân chủ, nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị.

8. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật và Bộ Quốc phòng.

Điều 18. Hình thức tham gia ý kiến

Căn cứ đặc điểm, tính chất hoạt động và nội dung tham gia ý kiến, quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động có thể tham gia ý kiến thông qua một số hình thức sau đây:

1. Tham gia trực tiếp với người chỉ huy cơ quan, đơn vị hoặc thông qua người chỉ huy trực tiếp của mình.
2. Thông qua hội nghị tập thể quân nhân và các hội nghị khác của cơ quan, đơn vị.
3. Qua phiếu lấy ý kiến trực tiếp hoặc dự thảo văn bản do cấp có thẩm quyền gửi.
4. Qua hòm thư góp ý, đường dây nóng, hệ thống thông tin nội bộ hoặc công thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.
5. Thông qua Hội đồng quân nhân và các tổ chức quần chúng tại cơ quan, đơn vị.
6. Các hình thức khác không trái với quy định của pháp luật và được quy định trong quy chế thực hiện dân chủ của cơ quan, đơn vị.

Điều 19. Trách nhiệm trong việc tổ chức để quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động tham gia ý kiến

1. Chỉ huy cơ quan, đơn vị có kế hoạch tổ chức lấy ý kiến quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động về các nội dung theo quy định tại Điều 17 Thông tư này, xác định rõ nội dung, hình thức lấy ý kiến, cách thức, thời hạn triển khai và trách nhiệm tổ chức thực hiện; chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tiếp nhận, tổng hợp ý kiến, thông tin phản hồi của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động; tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia và thực hiện việc công khai nội dung giải trình, tiếp thu đến từng đối tượng.
2. Hội đồng quân nhân, ban chấp hành các tổ chức quần chúng phối hợp triển khai thực hiện kế hoạch tổ chức lấy ý kiến; giám sát quá trình lấy ý kiến, kết quả giải trình, tiếp thu và thực hiện các nội dung quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động ý kiến; tham gia ý kiến trước khi chỉ huy cơ quan, đơn vị quyết định ban hành quy chế thực hiện dân chủ.
3. Quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động trong cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tham gia ý kiến, làm cơ sở cho cấp có thẩm quyền quyết định; theo dõi, đánh giá, giám sát việc tổng hợp, tiếp thu, giải trình đối với các nội dung đưa ra lấy ý kiến và quá trình tổ chức thực hiện quyết định về các nội dung này.

Mục 4**QUÂN NHÂN, CÔNG NHÂN, VIÊN CHỨC QUỐC PHÒNG,
NGƯỜI LAO ĐỘNG KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ THAM GIA ĐỐI THOẠI****Điều 20. Nội dung được kiểm tra, giám sát**

1. Quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động kiểm tra việc thực hiện các nội dung mà tập thể quân nhân đã bàn và quyết định tại Điều 13 Thông tư này.

2. Quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động giám sát việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của Bộ Quốc phòng và cơ quan, đơn vị; giám sát việc tổ chức thực hiện dân chủ của người chỉ huy.

Điều 21. Hình thức kiểm tra, giám sát

1. Quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động trực tiếp thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua:

- a) Quá trình học tập, công tác, sinh hoạt;
- b) Trong giao lưu, tiếp xúc với chỉ huy và quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động khác trong cơ quan, đơn vị;
- c) Báo cáo của cơ quan, đơn vị về việc thực hiện các nội dung tập thể quân nhân đã tham gia ý kiến và quyết định;
- d) Hội nghị tập thể quân nhân.

2. Quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua hoạt động của Hội đồng quân nhân, Ban Thanh tra nhân dân (nếu có).

Điều 22. Xử lý kết quả kiểm tra, giám sát

1. Quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động trực tiếp đóng góp ý kiến về phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ của tập thể cấp ủy, người chỉ huy, người quản lý, phụ trách trực tiếp để khắc phục hạn chế, khuyết điểm.

2. Trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm, kịp thời kiến nghị, phản ánh đến người chỉ huy, Hội đồng quân nhân, Công đoàn hoặc các tổ chức quần chúng mà mình là thành viên; phản ánh, đề nghị Ban Thanh tra nhân dân thực hiện kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ hoặc có quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật và Bộ Quốc phòng.

3. Hội đồng quân nhân, Ban Thanh tra nhân dân (nếu có) thay mặt quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động thực hiện kiểm tra, giám sát theo quy định tại các Điều 34, 45 Thông tư này.

Điều 23. Trách nhiệm trong việc bảo đảm để quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động thực hiện kiểm tra, giám sát

1. Trách nhiệm của chỉ huy cơ quan, đơn vị:

a) Căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ, đặc điểm, tính chất tổ chức, hoạt động và điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị, thống nhất với Hội đồng quân nhân, tổ chức Công đoàn (nếu có) xây dựng và ban hành quy chế thực hiện dân chủ để quy định cụ thể hơn nội dung, cách thức thực hiện dân chủ ở cơ quan, đơn vị mình, làm cơ sở để quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Nội dung quy chế có thể mở rộng nhưng không được trái hoặc hạn chế việc thực hiện các nội dung đã được quy định trong Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

b) Tạo điều kiện và bảo đảm để Hội đồng quân nhân, tổ chức Công đoàn (nếu có) ở cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật. Xử lý nghiêm các hành vi cản trở quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động thực hiện quyền kiểm tra, giám sát;

c) Chủ động tiếp nhận những phản ánh, kiến nghị của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động; tổ chức đối thoại dân chủ, phúc đáp, giải trình theo quy định của pháp luật; sử dụng nội dung tham gia góp ý của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động vào quá trình đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, đảng viên;

d) Tiếp thu, xem xét, giải quyết nội dung khiếu nại, tố cáo của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động; kịp thời báo cáo cấp trên và chuyển thông tin đến cơ quan có thẩm quyền đối với những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết. Kiên quyết xử lý các hành vi trả thù, trù dập người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định của pháp luật;

đ) Tạo điều kiện và bảo đảm để Ban Thanh tra nhân dân (nếu có) thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật. Nếu thiếu trách nhiệm, để xảy ra thiếu sót, khuyết điểm và vi phạm thì bị xử lý theo quy định.

2. Quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động chịu trách nhiệm về nội dung phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của mình; tích cực, chủ động phối hợp với Hội đồng quân nhân, Ban Thanh tra nhân dân (nếu có), ban chấp hành các tổ chức quần chúng và các cơ quan có thẩm quyền trong việc xác minh, kiểm tra, giám sát đối với nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Điều 24. Sinh hoạt đối thoại dân chủ

1. Sinh hoạt đối thoại dân chủ do cấp ủy, chỉ huy cơ quan, đơn vị tổ chức. Cấp cơ sở mỗi tháng 1 lần, cấp trên cơ sở mỗi quý 1 lần, cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng 6 tháng 1 lần.

2. Hình thức sinh hoạt đối thoại dân chủ được thực hiện với toàn thể hoặc đại biểu quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động thuộc quyền. Sau đối thoại dân chủ, thông báo kết quả đến các đơn vị thuộc quyền; báo cáo, đề nghị cấp trên giải đáp những nội dung không thuộc thẩm quyền giải quyết. Các cơ quan, đơn vị tổng hợp kết quả đối thoại ở cấp mình báo cáo theo phân cấp phục vụ cho các cuộc đối thoại của cấp ủy, chỉ huy cấp trên.

3. Trường hợp ý kiến, kiến nghị của Hội đồng quân nhân không thống nhất với giải trình của cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc khi cần thiết thì người đứng đầu tổ chức đối thoại đột xuất với Hội đồng quân nhân hoặc tập thể quân nhân để làm rõ.

Mục 5

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUÂN NHÂN

Điều 25. Hội đồng quân nhân

Hội đồng quân nhân là tổ chức đại diện cho quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, được thành lập ở cơ quan, đơn vị, do đại hội quân nhân bầu ra để thực hiện phát huy dân chủ về quân sự - chuyên môn, chính trị, kinh tế - đời sống.

Điều 26. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hội đồng quân nhân

1. Hội đồng quân nhân tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ, được đại hội quân nhân bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín; nội dung, chương trình hoạt động, quyết định của Hội đồng quân nhân được dân chủ thảo luận và biểu quyết theo đa số. Hội đồng quân nhân phân công các ủy viên đảm nhiệm từng mặt công tác.

2. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quân nhân đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy, chỉ bộ cùng cấp; sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra của cấp ủy, chỉ huy cấp trên và cơ quan chính trị các cấp.

3. Đối với cơ quan, đơn vị mới thành lập hoặc lâm thời thành lập thời gian trên 12 tháng thì cấp ủy, chỉ bộ chỉ định Hội đồng quân nhân để tổ chức hoạt động; trong thời hạn 3 tháng phải tiến hành đại hội quân nhân để bầu Hội đồng quân nhân mới. Những đơn vị có thời gian hoạt động dưới 12 tháng thì cấp ủy, chỉ bộ chỉ định lâm thời Hội đồng quân nhân và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 27. Tổ chức Hội đồng quân nhân

1. Hội đồng quân nhân được thành lập ở các cơ quan, đơn vị:

a) Đại đội; tiểu đoàn bộ; đồn biên phòng; đội cảnh sát biển; hải đội biên phòng; tiểu khu biên phòng; đội, trạm cảnh sát biển; tiểu đoàn tên lửa phòng không; phi đội không quân; khối cơ quan lữ đoàn, trung đoàn, đoàn cảnh sát biển, ban chỉ huy quân sự cấp huyện và đơn vị tương đương;

b) Cấp phòng của cơ quan sư đoàn, bộ tư lệnh vùng (Hải quân và Cảnh sát biển), bộ chỉ huy quân sự, bộ chỉ huy bộ đội biên phòng cấp tỉnh, thành phố và đơn vị tương đương; khối cơ quan sư đoàn khung thường trực; trung đoàn khung thường trực và đơn vị tương đương;

c) Cơ quan cấp cục và tương đương;

d) Lớp học, đại đội học viên, khoa, ban, phòng và tương đương của học viện, nhà trường, trung tâm, viện nghiên cứu, bệnh viện;

đ) Các tổng kho, kho, trạm, xưởng, khối cơ quan doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng;

e) Cơ quan, đơn vị còn lại, căn cứ vào tổ chức biên chế, nhiệm vụ và tính chất hoạt động của từng đơn vị để thành lập Hội đồng quân nhân (có thể thành lập ghép) cho phù hợp theo quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều này.

2. Cơ quan, đơn vị có quân số dưới 10 người không thành lập Hội đồng quân nhân.

Điều 28. Thành phần, tiêu chuẩn, số lượng ủy viên Hội đồng quân nhân

1. Thành phần Hội đồng quân nhân:

Quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị có đủ tiêu chuẩn đều có thể tham gia ứng cử ủy viên Hội đồng quân nhân.

2. Tiêu chuẩn ủy viên Hội đồng quân nhân:

a) Có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm và tính chiến đấu cao, có năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ được phân công, tác phong sâu sát, được quân nhân tín nhiệm;

b) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quân nhân phải nắm chắc các hoạt động của cơ quan, đơn vị, nhiệm vụ, quyền hạn, phương thức hoạt động của Hội đồng quân nhân và có năng lực tổ chức thực hiện dân chủ trong cơ quan, đơn vị.

3. Số lượng ủy viên Hội đồng quân nhân:

a) Cơ quan, đơn vị có quân số đến 60 người, bầu từ 03 đến 05 ủy viên; trên 60 người, bầu không quá 09 ủy viên;

b) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quân nhân do đại hội quân nhân bầu trong số ủy viên bằng hình thức bỏ phiếu kín. Không cơ cấu Chủ tịch Hội đồng quân nhân là cấp trưởng hoặc bí thư cấp ủy.

4. Bổ sung và miễn nhiệm ủy viên Hội đồng quân nhân:

a) Việc bổ sung ủy viên Hội đồng quân nhân do Hội đồng quân nhân đề nghị, cấp ủy, chỉ bộ quyết định; trường hợp đặc biệt do cấp ủy, chỉ bộ chỉ định;

b) Nếu ủy viên Hội đồng quân nhân vi phạm pháp luật; vi phạm kỷ luật Quân đội phải xử lý, uy tín thấp thì Hội đồng quân nhân đề nghị cấp ủy miễn nhiệm và đề xuất nhân sự thay thế hoặc tổ chức hội nghị tập thể quân nhân bầu bổ sung.

Điều 29. Chức năng của Hội đồng quân nhân

Hội đồng quân nhân căn cứ vào nghị quyết của cấp ủy, chỉ bộ, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của người chỉ huy; tình hình nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị để hướng dẫn và tổ chức cho quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động thực hiện và phát huy dân chủ trên các mặt công tác của cơ quan, đơn vị.

Điều 30. Nhiệm vụ của Hội đồng quân nhân

1. Tuyên truyền, vận động quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệnh, điều lệ, quy định, nhiệm vụ của Quân đội và đơn vị.

2. Phối hợp với các tổ chức quần chúng xây dựng mối đoàn kết, thống nhất trong cơ quan, đơn vị, phát huy vai trò của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động thực hiện dân chủ về quân sự - chuyên môn, chính trị, kinh tế - đời sống.

3. Đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và tham gia tư vấn tâm lý, tư vấn pháp luật cho quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động trong cơ quan, đơn vị. Phối hợp xem xét, xác minh vụ việc cụ thể theo đề nghị của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động. Kiểm tra việc tổ chức thực hiện các quyết định của tập thể quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động theo quy định tại Điều 13 Thông tư này; giám sát việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, việc thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ quan, đơn vị; đề nghị cấp ủy, chỉ huy cơ quan, đơn vị cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan để phục vụ việc xác minh, kiểm tra, giám sát.

4. Tham gia góp ý xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng trong sạch vững mạnh tiêu biểu, cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện “mẫu mực, tiêu biểu”.

5. Thực hiện phản biện xã hội theo phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn. Tham dự các cuộc họp của cơ quan, đơn vị có nội dung liên quan đến nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Hội đồng quân nhân.

6. Tiếp nhận, tổng hợp ý kiến kiến nghị, phản ánh của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động trong cơ quan, đơn vị báo cáo với cấp ủy, chỉ huy; kiến nghị khắc phục hạn chế, thiếu sót được phát hiện qua việc kiểm tra, giám sát; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động; đề nghị biểu dương tập thể, cá nhân có thành tích; kiến nghị xử lý theo quy định khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm và giám sát việc thực hiện kiến nghị đó.

7. Báo cáo cấp ủy, chỉ huy cơ quan, đơn vị về tình hình tổ chức và kết quả hoạt động của Hội đồng quân nhân.

Điều 31. Quyền hạn của Hội đồng quân nhân

1. Hội đồng quân nhân được cấp ủy, chỉ huy cơ quan, đơn vị thông báo công khai các nội dung quy định tại Điều 10 Thông tư này.

2. Thực hiện các nội dung quy định tại các Điều 13, 17, 20, 24 Thông tư này.

3. Chủ tịch Hội đồng quân nhân có trách nhiệm đề xuất với cấp ủy, chỉ huy nội dung, thời gian sinh hoạt Hội đồng quân nhân, tập thể quân nhân và thông báo, quán triệt cho Hội đồng quân nhân và tập thể quân nhân để tổ chức thực hiện.

Điều 32. Mối quan hệ công tác của Hội đồng quân nhân

1. Quan hệ với cấp ủy, chỉ huy là quan hệ phục tùng sự lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quân nhân.

2. Quan hệ với cơ quan chính trị là mối quan hệ chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quân nhân.

3. Quan hệ với ban chấp hành các tổ chức quần chúng cùng cấp là quan hệ phối hợp hoạt động.

Điều 33. Tiếp nhận, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động

1. Quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động tham gia góp ý, kiến nghị, phản ánh tại hội nghị tập thể quân nhân hoặc bằng văn bản, thư tín, điện thoại gửi đến Hội đồng quân nhân và chỉ huy cơ quan, đơn vị.

2. Các cơ quan, đơn vị cấp đại đội, tiểu đoàn và tương đương trở lên lập hòm thư góp ý, đặt ở nơi thuận tiện và công khai (hoặc hòm thư điện tử) để mọi người phản ánh với cấp ủy, cán bộ chủ trì ở cơ quan, đơn vị và cấp trên những biểu hiện vi phạm dân chủ, những vấn đề cần góp ý, kiến nghị, phản ánh. Hòm thư góp ý do Hội đồng quân nhân quản lý; Chủ tịch, Phó Chủ tịch chịu trách

nhiệm mở hàng ngày, có sự chứng kiến của đại diện quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động thuộc cơ quan, đơn vị (01 người bất kỳ tại thời điểm mở) để nắm tình hình phản ánh. Lập biên bản và kịp thời đề xuất với cấp ủy, chỉ huy biện pháp giải quyết vấn đề phản ánh (nếu có).

3. Hằng tuần, Hội đồng quân nhân phối hợp với ban chấp hành các tổ chức quần chúng cùng cấp tổng hợp ý kiến, kiến nghị, phản ánh về thực hiện dân chủ; quyền lợi, nghĩa vụ hợp pháp, chính đáng của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động trong cơ quan, đơn vị để báo cáo với cấp ủy, chỉ huy trực tiếp.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc (15 ngày làm việc đối với những việc có nội dung phức tạp), cấp ủy, chỉ huy cơ quan, đơn vị có trách nhiệm trả lời hoặc thông báo bằng văn bản (với những vấn đề thuộc thẩm quyền cấp trên) kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của tập thể quân nhân.

Điều 34. Hoạt động giám sát

1. Hoạt động giám sát của Hội đồng quân nhân nhằm kịp thời phát hiện những sai sót, khuyết điểm để kiến nghị sửa chữa, khắc phục, đồng thời phát hiện, nhân rộng nhân tố mới, tích cực, góp phần xây dựng tổ chức đảng trong sạch vững mạnh tiêu biểu, xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện “mẫu mực, tiêu biểu”.

2. Đối tượng giám sát là tổ chức đảng, người chỉ huy, cán bộ chủ chốt, đảng viên. Nội dung giám sát là việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của tổ chức đảng (trừ các nội dung thuộc về bí mật nhà nước), kế hoạch của người chỉ huy tại cơ quan, đơn vị.

3. Hội đồng quân nhân thường xuyên theo dõi, tiếp thu ý kiến thông qua đơn thư, phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động để nghiên cứu, xem xét các vấn đề liên quan; trong trường hợp phát hiện có dấu hiệu sai phạm hoặc xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động thì kiến nghị đến cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét, giải quyết, sửa đổi, bổ sung hoặc đình chỉ thi hành.

4. Cấp ủy, chỉ huy cơ quan, đơn vị có trách nhiệm trả lời theo quy định tại khoản 4 Điều 33 Thông tư này.

5. Trường hợp ý kiến, kiến nghị của Hội đồng quân nhân với cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền không thống nhất thì tổ chức đối thoại để làm rõ.

Điều 35. Hoạt động phản biện xã hội

1. Hoạt động phản biện xã hội của Hội đồng quân nhân là hoạt động tham gia ý kiến đối với dự thảo văn bản của các cơ quan chức năng, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động, phát huy dân chủ, tăng cường đồng thuận trong cơ quan, đơn vị.

2. Căn cứ tính chất của nội dung văn bản dự thảo của cơ quan chức năng và người chỉ huy cơ quan, đơn vị, Hội đồng quân nhân phối hợp với ban chấp hành các tổ chức quần chúng cùng cấp tổ chức hội nghị tập thể quân nhân để tham gia ý kiến hoặc gửi dự thảo văn bản đến từng cá nhân để lấy ý kiến; tổng hợp ý kiến tham gia và báo cáo cấp ủy, chỉ huy cơ quan, đơn vị để xem xét, quyết định gửi cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản nghiên cứu, tiếp thu.

3. Hội đồng quân nhân có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và thông báo việc tiếp thu, giải trình của cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản đối với ý kiến tham gia của tập thể quân nhân.

Điều 36. Đại hội quân nhân

1. Đại hội quân nhân được tổ chức 5 năm hai lần:

a) Nhiệm kỳ của Hội đồng quân nhân được tính từ khi đại hội bầu ra đến kỳ đại hội kế tiếp bầu ra Hội đồng quân nhân mới;

b) Hết nhiệm kỳ, các cơ quan, đơn vị tổ chức đại hội quân nhân để đánh giá kết quả hoạt động trong nhiệm kỳ, đề ra chương trình hoạt động nhiệm kỳ mới; bầu Hội đồng quân nhân khoá mới;

c) Trong trường hợp hết nhiệm kỳ mà chưa có điều kiện tiến hành đại hội thì Hội đồng quân nhân phải báo cáo cấp ủy, chỉ bộ kéo dài nhiệm kỳ nhưng không quá 3 tháng.

2. Triệu tập, tổ chức đại hội quân nhân:

a) Hội đồng quân nhân báo cáo cấp ủy, chỉ huy cơ quan, đơn vị về việc triệu tập, tổ chức đại hội. Đại hội quân nhân phải có ít nhất hai phần ba tổng quân số của cơ quan, đơn vị tham gia;

b) Thành phần tham gia đại hội quân nhân gồm: Quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động của cơ quan, đơn vị;

c) Danh sách giới thiệu để bầu Hội đồng quân nhân viết theo văn A, B, C (chữ cái đầu của tên); số lượng phải nhiều hơn số lượng cần bầu từ 10% đến 35%. Người nào có số phiếu tín nhiệm hợp lệ đạt trên 50% (quá nửa) so với tổng quân số được triệu tập thì trúng cử; nếu nhiều người có số phiếu quá nửa thì lấy từ người có số phiếu cao nhất trở xuống cho đến khi đủ số lượng cần bầu; trường

hợp ở cuối danh sách trúng cử có nhiều người ngang phiếu nhau và nhiều hơn số lượng cần bầu thì bầu lại số người ngang phiếu nhau để lấy người có số phiếu cao hơn, không cần quá nửa. Nếu bầu lần thứ nhất chưa đủ số lượng ủy viên Hội đồng quân nhân, việc tiếp tục bầu nữa hay không do đại hội quyết định;

d) Cấp ủy, chi bộ xem xét, ra quyết định chuẩn y kết quả bầu Hội đồng quân nhân.

Điều 37. Sinh hoạt Hội đồng quân nhân và tập thể quân nhân

1. Định kỳ, Hội đồng quân nhân mỗi tháng họp 1 lần; tập thể quân nhân sinh hoạt theo quy định của Điều lệnh quản lý bộ đội trong Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 193/2011/TT-BQP ngày 23 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và quy định của chỉ huy cơ quan, đơn vị. Trước khi sinh hoạt tập thể quân nhân thực hiện nội dung về dân chủ hoặc đại hội nhiệm kỳ, Hội đồng quân nhân phải họp để chuẩn bị nội dung, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các ủy viên và báo cáo xin ý kiến của lãnh đạo, chỉ huy cơ quan, đơn vị.

2. Khi có đa số quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng đề nghị và được cấp ủy, chỉ huy cơ quan, đơn vị xét thấy cần thiết thì Hội đồng quân nhân tổ chức sinh hoạt tập thể quân nhân đột xuất. Nội dung sinh hoạt do Hội đồng quân nhân đề xuất hoặc do cấp ủy, chỉ huy cơ quan, đơn vị quyết định.

Điều 38. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quân nhân

1. Đối với đơn vị dự toán: Được tính trong dự toán ngân sách nhà nước chi thường xuyên cho quốc phòng hằng năm chi phí hoạt động chuyên ngành Dân vận.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập, tự chủ về tài chính: Được tính trong phương án tự chủ tài chính đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đối với doanh nghiệp Quân đội: Được tính vào chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của doanh nghiệp.

Chương III

THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ TRONG TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

Mục 1

XÂY DỰNG QUY CHẾ THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

Điều 39. Căn cứ xây dựng quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở

Các doanh nghiệp căn cứ các Điều 5, 6 Bộ luật Lao động năm 2019 và các Điều 5, 6 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 để ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Điều 40. Quy trình ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Đối với doanh nghiệp chưa có quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở:

a) Người sử dụng lao động thành lập tổ biên tập xây dựng quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở sau khi tham khảo ý kiến của công đoàn cơ sở về thành phần và số lượng thành viên tham gia tổ biên tập, mỗi bên ít nhất 03 thành viên tham gia Tổ biên tập;

b) Tổ biên tập xây dựng nội dung quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở;

c) Xin ý kiến các phòng, ban, phân xưởng, tổ, đội sản xuất; tiếp thu, hoàn chỉnh nội dung quy chế; báo cáo người sử dụng lao động và công đoàn cơ sở doanh nghiệp;

d) Người sử dụng lao động ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở sau khi tiếp thu ý kiến của công đoàn cơ sở. Đối với những góp ý của công đoàn cơ sở mà người sử dụng lao động không tiếp thu thì phải nêu rõ lý do;

đ) Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trong doanh nghiệp phải được phổ biến công khai tới người lao động.

2. Đối với doanh nghiệp đã có quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở:

a) Người sử dụng lao động rà soát nội dung quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở hiện có; cập nhật, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các quy định của pháp luật và thực tế tổ chức hoạt động của doanh nghiệp;

b) Trình tự sửa đổi, bổ sung quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở thực hiện theo khoản 1 Điều này.

Mục 2

NỘI DUNG QUY CHẾ THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

Điều 41. Nội dung, hình thức, thời điểm người sử dụng lao động phải công khai

1. Trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật quân sự, người sử dụng lao động phải công khai với người lao động những nội dung sau:

a) Kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;

b) Nội quy lao động, thang lương, bảng lương, định mức lao động, nội quy, quy chế và các văn bản quy định khác của người sử dụng lao động liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động;

c) Các thỏa ước lao động tập thể mà người sử dụng lao động đã ký kết tham gia;

d) Việc trích lập, sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ do người lao động đóng góp (nếu có);

đ) Việc trích nộp kinh phí công đoàn, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp;

- e) Tình hình thực hiện thi đua, khen thưởng, kỷ luật, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan đến quyền, lợi ích và nghĩa vụ của người lao động;
- g) Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trong doanh nghiệp;
- h) Các nội dung về thông tin tài chính, quản lý tài sản công, về công tác cán bộ;
- i) Nội dung khác theo quy định của pháp luật liên quan.

2. Những nội dung quy định tại khoản 1 Điều này được pháp luật quy định cụ thể hình thức công khai, người sử dụng lao động thực hiện công khai theo quy định đó, trường hợp pháp luật không quy định cụ thể hình thức công khai thì người sử dụng lao động căn cứ vào đặc điểm sản xuất, kinh doanh, tổ chức lao động và nội dung phải công khai để lựa chọn một trong các hình thức sau đây và phải thể hiện trong nội dung quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trong doanh nghiệp:

- a) Niêm yết công khai tại nơi làm việc;
- b) Thông báo tại hội nghị người lao động, các cuộc đối thoại giữa người sử dụng lao động và công đoàn cơ sở, tại các cuộc họp, giao ban của đơn vị, bộ phận;
- c) Thông báo bằng văn bản đến toàn thể người lao động;
- d) Thông qua người phụ trách đơn vị, bộ phận của doanh nghiệp để thông báo đến người lao động;
- đ) Thông báo bằng văn bản cho Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở để thông báo đến người lao động;
- e) Thông báo trên hệ thống thông tin nội bộ của doanh nghiệp hoặc đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của doanh nghiệp;
- g) Hình thức khác mà pháp luật không cấm.

3. Nội dung thông tin quy định tại khoản 1 Điều này phải được công khai chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày có quyết định, văn bản của người có thẩm quyền về nội dung cần công khai, trừ trường hợp pháp luật quy định khác.

Điều 42. Trách nhiệm tổ chức thực hiện việc công khai thông tin ở doanh nghiệp

1. Trường hợp doanh nghiệp có trang thông tin điện tử nội bộ hoặc hệ thống thông tin điện tử nội bộ, người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức đăng tải các thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Thông tư này trên trang thông tin điện tử nội bộ hoặc hệ thống thông tin điện tử nội bộ ít nhất là 20 ngày liên tục, kể từ ngày bắt đầu đăng tin hoặc gửi thông tin, trừ trường hợp pháp luật quy định khác.

2. Trường hợp doanh nghiệp chưa có trang thông tin điện tử nội bộ hoặc hệ thống thông tin điện tử nội bộ thì người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức niêm yết các thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Thông tư này tại trụ sở của doanh nghiệp và nơi làm việc của các đơn vị, bộ phận có liên quan trực tiếp ít nhất là 20 ngày liên tục, kể từ ngày niêm yết, trừ trường hợp đã sử dụng hình thức thông báo bằng văn bản đến toàn thể người lao động tại doanh nghiệp hoặc pháp luật quy định khác.

3. Cùng với việc thực hiện công khai thông tin bằng các hình thức quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, căn cứ vào đặc điểm, tính chất hoạt động và nội dung cần công khai, người sử dụng lao động có thể quyết định lựa chọn thêm các hình thức công khai khác theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Thông tư này phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp, bảo đảm để người lao động tiếp cận thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời, thuận lợi.

4. Người sử dụng lao động có trách nhiệm tổ chức cung cấp thông tin theo yêu cầu của người lao động đối với những thông tin trong thời hạn công khai chưa được công khai, thông tin đã hết thời hạn công khai hoặc thông tin đang được công khai nhưng vì lý do bất khả kháng mà người yêu cầu không thể tiếp cận được.

5. Doanh nghiệp có thể xác định thêm các nội dung thông tin cần công khai, hình thức công khai thông tin, việc áp dụng các hình thức công khai đối với từng loại nội dung thông tin nhất định và cách thức thực hiện, việc cung cấp thông tin theo yêu cầu trong quy chế thực hiện dân chủ phù hợp với đặc điểm tổ chức, hoạt động, điều kiện thực tế của doanh nghiệp.

Điều 43. Nội dung, hình thức người lao động được tham gia ý kiến

1. Người lao động được tham gia ý kiến về những nội dung sau:

a) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung nội quy, quy chế và các văn bản quy định khác của người sử dụng lao động liên quan đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của người lao động;

b) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung thang lương, bảng lương, định mức lao động;

c) Đề xuất nội dung đối thoại, thương lượng tập thể;

d) Đề xuất, thực hiện giải pháp tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc, an toàn, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực;

đ) Dự thảo quy trình, thủ tục nội bộ về giải quyết tranh chấp lao động, xử lý kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất và các nội dung khác liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động mà doanh nghiệp thấy cần tham khảo ý kiến;

e) Dự thảo quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trong doanh nghiệp;

g) Nội dung khác liên quan đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật và quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trong doanh nghiệp.

2. Những nội dung quy định tại khoản 1 Điều này mà pháp luật quy định cụ thể hình thức người lao động tham gia ý kiến thì thực hiện theo quy định đó; trường hợp pháp luật không quy định cụ thể hình thức thì người lao động căn cứ vào đặc điểm sản xuất, kinh doanh, tổ chức lao động, nội dung người lao động được tham gia ý kiến và quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trong doanh nghiệp để lựa chọn hình thức sau đây:

a) Tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua người trực tiếp phụ trách đơn vị, bộ phận của doanh nghiệp;

b) Thông qua công đoàn cơ sở tại hội nghị người lao động, các buổi đối thoại định kỳ;

c) Gửi góp ý, kiến nghị trực tiếp;

d) Tham gia ý kiến qua hòm thư góp ý, đường dây nóng, hệ thống thông tin nội bộ hoặc cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của doanh nghiệp;

đ) Hình thức khác mà pháp luật không cấm và được quy định trong quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trong doanh nghiệp.

Điều 44. Nội dung, hình thức người lao động được bàn và quyết định

1. Người lao động được bàn và quyết định những nội dung sau:

a) Giao kết, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật;

b) Gia nhập hoặc không gia nhập tổ chức công đoàn;

c) Tham gia hoặc không tham gia đình công theo quy định của pháp luật;

d) Biểu quyết nội dung thương lượng tập thể đã đạt được để ký kết thỏa ước lao động tập thể theo quy định của pháp luật;

đ) Việc lập các loại quỹ và thu, chi, quản lý, sử dụng các khoản từ thu nhập, đóng góp của người lao động;

e) Việc bầu, bãi nhiệm thành viên Ban Thanh tra nhân dân;

g) Nội dung nghị quyết hội nghị người lao động;

h) Các nội dung tự quản trong nội bộ doanh nghiệp không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội;

i) Nội dung khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận của các bên.

2. Hình thức bàn và quyết định của người lao động:

a) Người lao động bàn và quyết định các nội dung theo quy định tại các điểm e, g, h, i khoản 1 Điều 44 Thông tư này tại hội nghị người lao động trên cơ sở đề xuất của công đoàn cơ sở, người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp hoặc khi có ít nhất là một phần ba tổng số người lao động của doanh nghiệp đề nghị;

b) Trường hợp không thể tổ chức hội nghị người lao động vì lý do bất khả kháng hoặc hội nghị đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn không có đủ số người tham dự quy định thì người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp, sau khi đã thống nhất với công đoàn cơ sở, quyết định tổ chức gửi phiếu lấy ý kiến của toàn thể người lao động trong doanh nghiệp;

c) Việc bàn và quyết định nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 44 Thông tư này thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động.

Điều 45. Nội dung, hình thức người lao động được kiểm tra, giám sát

1. Người lao động được kiểm tra, giám sát những nội dung sau:

- a) Thực hiện hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể đã ký kết;
- b) Thực hiện nội quy lao động, quy chế và các văn bản quy định khác của người sử dụng lao động liên quan đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích của người lao động;
- c) Sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, các quỹ do người lao động đóng góp;
- d) Trích nộp kinh phí công đoàn, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của người sử dụng lao động;
- đ) Thực hiện thi đua, khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích của người lao động.

2. Ngoài các nội dung tại khoản 1 Điều này, người lao động giám sát việc thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở trong doanh nghiệp, việc thực hiện chính sách, pháp luật của người đại diện có thẩm quyền, ban lãnh đạo, điều hành và những người có thẩm quyền khác của doanh nghiệp.

3. Hình thức kiểm tra, giám sát của người lao động

a) Người lao động trực tiếp thực hiện việc kiểm tra, giám sát tại doanh nghiệp thông qua các hình thức sau đây:

- Hoạt động lao động, sản xuất kinh doanh, sinh hoạt của người lao động ở doanh nghiệp;

- Quan sát, tìm hiểu, giao tiếp với người có chức vụ, quyền hạn, người lao động khác trong doanh nghiệp;

- Tiếp cận các thông tin được công khai; các thông tin, báo cáo của doanh nghiệp hoặc người được giao quản lý, thực hiện các nội dung người lao động đã bàn và quyết định;

- Tham dự hội nghị người lao động, hội nghị đối thoại tại nơi làm việc, các hoạt động hội họp, sinh hoạt tập thể khác.

b) Người lao động thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở doanh nghiệp nhà nước.

Mục 3

HÌNH THỨC THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

Tiểu mục 1

ĐỐI THOẠI TẠI NƠI LÀM VIỆC

Điều 46. Trách nhiệm tổ chức đối thoại tại nơi làm việc

1. Người sử dụng lao động có trách nhiệm phối hợp với Công đoàn cơ sở để tổ chức đối thoại tại nơi làm việc theo quy định:

a) Tổ chức đối thoại định kỳ ít nhất 01 năm một lần;

b) Tổ chức đối thoại theo yêu cầu của một hoặc các bên và tổ chức đối thoại khi có vụ việc.

2. Người sử dụng lao động có trách nhiệm quy định cụ thể trong quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trong doanh nghiệp các nội dung chủ yếu sau để tổ chức đối thoại tại nơi làm việc theo quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Nguyên tắc đối thoại tại nơi làm việc;

b) Số lượng, thành phần tham gia đối thoại của mỗi bên thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động (sau đây viết gọn là Nghị định số 145/2020/NĐ-CP);

c) Số lần, thời gian tổ chức đối thoại định kỳ hằng năm;

d) Cách thức tổ chức đối thoại định kỳ, đối thoại khi có yêu cầu của một hoặc các bên, đối thoại khi có vụ việc;

đ) Trách nhiệm của các bên khi tham gia đối thoại theo quy định;

e) Nội dung khác (nếu có).

3. Ngoài quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, người sử dụng lao động có trách nhiệm:

- a) Cử đại diện bên người sử dụng lao động tham gia đối thoại tại nơi làm việc theo quy định;
- b) Bố trí địa điểm, thời gian và các điều kiện vật chất cần thiết khác để tổ chức các cuộc đối thoại tại nơi làm việc;
- c) Báo cáo tình hình thực hiện đối thoại và quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trong doanh nghiệp với cơ quan quản lý nhà nước về lao động khi được yêu cầu.

4. Công đoàn cơ sở có trách nhiệm:

- a) Cử thành viên đại diện tham gia đối thoại theo quy định;
- b) Tham gia ý kiến với người sử dụng lao động về nội dung quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trong doanh nghiệp;
- c) Lấy ý kiến người lao động, tổng hợp và chuẩn bị nội dung đề nghị đối thoại;
- d) Tham gia đối thoại với người sử dụng lao động theo quy định và quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

5. Khuyến khích người sử dụng lao động và người lao động, công đoàn cơ sở tiến hành đối thoại ngoài những trường hợp quy định, phù hợp với điều kiện tổ chức sản xuất, kinh doanh, tổ chức lao động tại nơi làm việc và quy định cụ thể trong quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trong doanh nghiệp.

Điều 47. Số lượng, thành phần, đối tượng, tiêu chuẩn tham gia đối thoại

1. Số lượng, thành phần tham gia đối thoại đại diện bên người sử dụng lao động và bên người lao động thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.

2. Đối tượng bầu thành viên tham gia đối thoại đại diện tập thể lao động

Thành viên đối thoại đại diện bên tập thể lao động gồm một số ủy viên Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở và các thành viên do hội nghị người lao động bầu. Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở lựa chọn, giới thiệu các Chủ tịch, Phó Chủ tịch Công đoàn cơ sở thành viên, công đoàn bộ phận, tổ trưởng, tổ phó tổ công đoàn hoặc đoàn viên công đoàn theo tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Điều này để hội nghị người lao động bầu làm thành viên đối thoại đại diện tập thể lao động.

3. Tiêu chuẩn thành viên đối thoại đại diện tập thể lao động

- a) Có hiểu biết về pháp luật lao động và công đoàn, chế độ chính sách đối với người lao động, các nội quy, quy chế của doanh nghiệp;

b) Nắm tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đời sống, việc làm của người lao động và được người lao động tín nhiệm;

c) Có khả năng thuyết trình, thuyết phục hoặc phản biện;

d) Thời hạn thực hiện hợp đồng lao động ít nhất đủ từ 12 tháng trở lên.

4. Việc xác định danh sách thành viên đại diện tham gia đối thoại của bên người sử dụng lao động và bên người lao động quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện định kỳ ít nhất 02 năm một lần và công bố công khai tại nơi làm việc. Trong khoảng thời gian giữa 02 kỳ, xác định thành viên tham gia đối thoại, nếu có thành viên đại diện không thể tiếp tục tham gia thì người sử dụng lao động hoặc công đoàn cơ sở xem xét, quyết định bổ sung thành viên thay thế của tổ chức mình và công bố công khai tại nơi làm việc.

5. Khi tiến hành đối thoại, ngoài các thành viên tham gia đối thoại quy định tại khoản 4 Điều này, hai bên thống nhất mời tất cả người lao động hoặc một số người lao động liên quan cùng tham gia đối thoại, bảo đảm có sự tham gia của đại diện lao động nữ khi đối thoại về các nội dung liên quan đến quyền, lợi ích của lao động nữ theo quy định (tham khảo ý kiến của lao động nữ hoặc đại diện của họ khi quyết định những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của phụ nữ).

Điều 48. Cách thức tổ chức đối thoại

1. Tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc, thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.

2. Tổ chức đối thoại khi có yêu cầu của một hoặc các bên, thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.

3. Tổ chức đối thoại khi có vụ việc, thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.

Tiểu mục 2

HỘI NGHỊ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 49. Tổ chức hội nghị người lao động

1. Hội nghị người lao động do người sử dụng lao động phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở tổ chức hằng năm theo hình thức hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại biểu.

Hội nghị người lao động được tổ chức định kỳ mỗi năm một lần sau khi kết thúc năm tài chính của doanh nghiệp nhưng không chậm hơn 03 tháng của năm tiếp theo do người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp quyết định sau khi lấy ý kiến của Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở.

Hội nghị người lao động được tổ chức bất thường khi có đề xuất của Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở, người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp hoặc khi có ít nhất là một phần ba tổng số người lao động của doanh nghiệp cùng đề nghị.

2. Thành phần dự hội nghị người lao động:

a) Đối với doanh nghiệp có sử dụng ít hơn 100 người lao động thì tổ chức hội nghị toàn thể người lao động của doanh nghiệp, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Đối với doanh nghiệp có sử dụng từ 100 người lao động trở lên hoặc có dưới 100 người lao động nhưng làm việc phân tán trên địa bàn rộng hoặc vì lý do nghiệp vụ không thể rời khỏi vị trí làm việc, thì người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp thống nhất với Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở quyết định thành phần tham dự hội nghị là toàn thể người lao động hoặc đại biểu người lao động phù hợp với đặc điểm tình hình của doanh nghiệp;

Thành phần tham gia hội nghị đại biểu:

- Đại biểu đương nhiên gồm: Thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, hoặc chủ tịch công ty, trưởng ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên; tổng giám đốc, giám đốc, phó tổng giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng, ban chấp hành công đoàn cơ sở, bí thư đảng ủy, trưởng ban thanh tra nhân dân, bí thư đoàn cơ sở, chủ tịch hội phụ nữ cơ sở (nếu có);

- Đại biểu bầu là những người được hội nghị người lao động cấp phòng, ban, phân xưởng, tổ, đội sản xuất bầu theo quy định;

c) Hội nghị được tổ chức khi có ít nhất hai phần ba tổng số người lao động của doanh nghiệp hoặc ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu được triệu tập có mặt. Nghị quyết, quyết định của hội nghị được thông qua khi có trên 50% tổng số người dự hội nghị tán thành và nội dung không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội.

Điều 50. Bầu đại biểu tham dự hội nghị đại biểu

1. Số lượng đại biểu bầu tối thiểu được quy định như sau:

a) Đối với doanh nghiệp có 100 lao động bầu ít nhất là 50 đại biểu;

b) Đối với doanh nghiệp có từ 101 đến dưới 1.000 lao động, ngoài số đại biểu phải bầu ban đầu tại điểm a khoản 1 Điều này, cứ 100 lao động bầu thêm ít nhất 5 đại biểu;

c) Đối với doanh nghiệp có 1.000 lao động bầu ít nhất là 100 đại biểu;

d) Đối với doanh nghiệp có từ 1.001 đến dưới 5.000 lao động, ngoài số đại biểu phải bầu ban đầu tại điểm c khoản 1 Điều này, cứ 1.000 lao động bầu thêm ít nhất 20 đại biểu;

đ) Đối với doanh nghiệp có từ 5.000 lao động trở lên bầu ít nhất là 200 đại biểu.

2. Người sử dụng lao động và Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở thống nhất, quyết định số lượng, cơ cấu đại biểu được bầu tham dự hội nghị đại biểu và phân bổ số lượng, cơ cấu đại biểu được bầu tương ứng với số lượng và cơ cấu lao động của từng phòng, ban, phân xưởng, tổ, đội sản xuất.

3. Đại biểu trúng cử phải đạt trên 50% tổng số phiếu bầu hợp lệ; trường hợp phát sinh trong quá trình bầu cử được quy định như sau:

a) Trường hợp nhiều người cùng đạt trên 50% tổng số phiếu bầu hợp lệ thì lấy theo thứ tự từ người có số phiếu cao nhất trở xuống cho đến khi đủ số đại biểu được phân bổ;

b) Trường hợp bầu lần thứ nhất số người trúng cử chưa đủ số lượng đại biểu được phân bổ thì tiếp tục bầu các lần tiếp theo cho đến khi có đủ số đại biểu;

c) Trường hợp nhiều người cùng đạt trên 50% tổng số phiếu bầu hợp lệ và có số phiếu bằng nhau mà vượt quá số đại biểu được phân bổ thì tổ chức bầu tiếp đối với những người có số phiếu bằng nhau để lấy người có số phiếu bầu cao hơn cho đến khi đủ số đại biểu được phân bổ.

Điều 51. Trách nhiệm trong việc tổ chức để người lao động bàn, quyết định và thực hiện quyết định của tập thể người lao động

1. Người sử dụng lao động có trách nhiệm chủ trì, phối hợp cùng Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở thống nhất chủ trương, xây dựng quy chế, kế hoạch và tổ chức hội nghị người lao động hoặc tổ chức gửi phiếu lấy ý kiến để người lao động bàn, quyết định các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Thông tư này.

Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở có trách nhiệm phối hợp với người sử dụng lao động tham gia xây dựng quy chế, kế hoạch và tổ chức hội nghị người lao động; chỉ đạo Ban Thanh tra nhân dân báo cáo kết quả hoạt động, chuẩn bị các nội dung được phân công và giới thiệu nhân sự bầu, kiện toàn thành viên đối thoại đại diện cho bên tập thể lao động; nhân sự bầu, kiện toàn thành viên Ban Thanh tra nhân dân.

2. Người sử dụng lao động có trách nhiệm chủ trì, phối hợp cùng Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở phổ biến, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện nghị quyết của hội nghị người lao động, quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trong doanh nghiệp và

các nội dung khác đã được người lao động thống nhất, quyết định; cử đầu mối để phối hợp, theo dõi, đề xuất xử lý kịp thời những phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

3. Định kỳ 06 tháng một lần, người sử dụng lao động có trách nhiệm phối hợp cùng Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết hội nghị người lao động; thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá đến toàn thể người lao động trong doanh nghiệp.

4. Đảng viên, đoàn viên công đoàn, người lao động trong doanh nghiệp có trách nhiệm tích cực tham gia bàn và quyết định các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Thông tư này và nghiêm túc thực hiện các quyết định đã được tập thể thống nhất; trường hợp nhận thấy quyết định của tập thể người lao động không bảo đảm trình tự, thủ tục hoặc có nội dung trái với quy định của pháp luật, trái đạo đức xã hội thì có quyền kiến nghị, phản ánh đến cấp trên trực tiếp của Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở ở doanh nghiệp hoặc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Tiểu mục 3

CÁC HÌNH THỨC THỰC HIỆN DÂN CHỦ KHÁC

Điều 52. Các hình thức thực hiện dân chủ khác tại doanh nghiệp

1. Cung cấp và trao đổi thông tin tại các cuộc họp lãnh đạo chủ chốt hoặc tại các cuộc họp từ tổ, đội đến toàn doanh nghiệp hoặc tại các cuộc họp chuyên môn của các phòng, ban, phân xưởng, tổ, đội sản xuất.

2. Niêm yết công khai thông tin ở những địa điểm thuận lợi tại doanh nghiệp.

3. Cung cấp thông tin qua hệ thống truyền thanh, thông tin nội bộ của doanh nghiệp hoặc bằng văn bản gửi đến từng người lao động, phòng, ban, phân xưởng, tổ, đội sản xuất.

4. Hòm thư góp ý kiến.

5. Người sử dụng lao động, Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở trong doanh nghiệp tổ chức lấy ý kiến trực tiếp người lao động.

6. Biểu quyết tại các cuộc họp, hội nghị trong doanh nghiệp.

7. Kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 53. Áp dụng các hình thức thực hiện dân chủ tại doanh nghiệp

Người sử dụng lao động, người lao động, Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở căn cứ nội dung quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định tại Mục 2 Chương III Thông tư này, lựa chọn hình thức thực hiện dân chủ phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp.

Chương IV

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN

Điều 54. Tổ chức Ban Thanh tra nhân dân

1. Ban Thanh tra nhân dân được thành lập ở cơ quan, đơn vị cơ sở và doanh nghiệp nhà nước (nơi có tổ chức công đoàn) do hội nghị tập thể quân nhân về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở (hoặc hội nghị người lao động) bầu gồm từ 03 đến 09 thành viên theo đề nghị của Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

Trường hợp cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có tính chất đặc thù hoặc hoạt động phân tán thì hội nghị tập thể quân nhân (hội nghị người lao động) có thể quyết định số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân nhiều hơn để bảo đảm hoạt động có hiệu quả.

2. Tổ chức của Ban Thanh tra nhân dân:

a) Trưởng ban: Chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân;

b) Phó Trưởng ban: Có trách nhiệm giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ;

c) Các ủy viên: Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban.

3. Tiêu chuẩn thành viên Ban Thanh tra nhân dân:

a) Là người đang công tác trong cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín trong cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ;

b) Hiểu biết về chính sách, pháp luật và tự nguyện tham gia Ban Thanh tra nhân dân;

c) Không đồng thời là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, kế toán trưởng của cơ quan, đơn vị (không đồng thời là người đại diện có thẩm quyền, thành viên ban lãnh đạo, điều hành, kế toán trưởng của doanh nghiệp).

4. Nhiệm kỳ của Ban Thanh tra nhân dân là 02 năm.

Trong nhiệm kỳ, nếu khuyết thành viên hoặc thành viên không hoàn thành nhiệm vụ, không còn được tin nhiệm hoặc xin thôi làm nhiệm vụ thì Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đề nghị hội nghị tập thể quân nhân về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở (hội nghị người lao động) quyết định cho thôi làm nhiệm vụ và bầu người khác thay thế.

Điều 55. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân

1. Kiểm tra việc tổ chức thực hiện các quyết định của tập thể quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động (nơi có tổ chức công đoàn); giám sát việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, việc thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước.

2. Kiến nghị cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và giám sát việc thực hiện kiến nghị đó.

3. Yêu cầu người chỉ huy cơ quan, đơn vị, người đại diện có thẩm quyền, ban lãnh đạo, điều hành của doanh nghiệp cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan để phục vụ việc xác minh, kiểm tra, giám sát.

4. Xem xét, xác minh vụ việc cụ thể theo đề nghị của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động ở cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp (nơi có tổ chức công đoàn).

5. Kiến nghị người đứng đầu cơ quan, đơn vị, ban lãnh đạo, điều hành doanh nghiệp khắc phục hạn chế, thiếu sót được phát hiện qua việc kiểm tra, giám sát; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động (nơi có tổ chức công đoàn); biểu dương những tập thể, cá nhân có thành tích. Trường hợp phát hiện người có hành vi vi phạm pháp luật, kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét, xử lý.

6. Tham dự các cuộc họp của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra nhân dân.

7. Tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động (nơi có tổ chức công đoàn) có liên quan đến phạm vi kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra nhân dân.

Điều 56. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân

1. Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước do Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động; tuân thủ theo quy định của pháp luật, thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao, bảo đảm khách quan, công khai minh bạch. Mọi ý kiến phản ánh của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động được phản ánh trung thực đến người có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật; không được lợi dụng

nhiệm vụ, quyền hạn để kích động, dụ dỗ, lôi kéo quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật; làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số.

2. Căn cứ vào nghị quyết hội nghị tập thể quân nhân về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ quan, đơn vị (nơi có tổ chức công đoàn) hoặc hội nghị người lao động ở doanh nghiệp nhà nước và sự chỉ đạo, hướng dẫn của Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở, Ban Thanh tra nhân dân xây dựng chương trình công tác theo từng quý, 06 tháng và hằng năm, nội dung cơ bản gồm: Mục đích, yêu cầu, nội dung, thời gian, kinh phí, tổ chức thực hiện và các điều kiện bảo đảm khác; xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát cụ thể báo cáo Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở và thông báo đến đối tượng kiểm tra, giám sát (nếu có) chậm nhất 05 ngày làm việc trước khi tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát.

3. Tiếp nhận thông tin do quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động phản ánh trực tiếp qua hòm thư góp ý và nghiên cứu văn bản tài liệu liên quan. Tiến hành làm việc với đơn vị, cá nhân liên quan đến kiến nghị, phản ánh để đánh giá tính xác thực của nội dung phản ánh, kiến nghị; tổng hợp, phân tích, đối chiếu với các quy định pháp luật, quy định, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp để đánh giá, đề xuất kiến nghị với người chỉ huy (người sử dụng lao động) xem xét giải quyết hoặc thông qua Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp. Kết quả kiểm tra, giám sát được lập thành văn bản và gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có phản ánh kiến nghị. Trường hợp phát hiện người có hành vi vi phạm pháp luật thì kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định.

4. Ban Thanh tra nhân dân có trách nhiệm định kỳ báo cáo kết quả hoạt động quý, 6 tháng, năm hoặc khi có yêu cầu với Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ hằng năm tại hội nghị tập thể quân nhân về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ quan, đơn vị (hội nghị người lao động của doanh nghiệp nhà nước).

5. Ban Thanh tra nhân dân thường xuyên giữ mối liên hệ và phối hợp chặt chẽ với người đứng đầu và quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động (người sử dụng lao động và người lao động) để kịp thời tiếp nhận ý kiến, phản ánh; tổng hợp, đối chiếu, xác minh và kiến nghị giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 57. Trách nhiệm trong việc bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị

1. Trách nhiệm của chỉ huy cơ quan, đơn vị, thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 63 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Trách nhiệm của Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở:

a) Giới thiệu nhân sự để hội nghị tập thể quân nhân (nơi có tổ chức công đoàn) về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở bầu làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân; công nhận kết quả bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân; đề nghị cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân; tổ chức cuộc họp của Ban Thanh tra nhân dân để bầu Trưởng ban, Phó Trưởng ban và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên;

b) Hướng dẫn Ban Thanh tra nhân dân xây dựng chương trình, kế hoạch, nội dung công tác; xem xét báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và hướng dẫn, chỉ đạo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; tham gia hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân khi xét thấy cần thiết;

c) Xem xét, giải quyết kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân gửi đến người chỉ huy cơ quan, đơn vị hoặc cấp có thẩm quyền;

d) Vận động quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động ở cơ quan, đơn vị phối hợp và tích cực hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân;

đ) Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Ban Thanh tra nhân dân;

e) Thực hiện các nhiệm vụ của Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị không tổ chức Ban Thanh tra nhân dân theo quy định của pháp luật.

Điều 58. Trách nhiệm trong việc bảo đảm để người lao động thực hiện kiểm tra, giám sát thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở doanh nghiệp nhà nước

1. Trách nhiệm của Ban lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước, thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Trách nhiệm của Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở ở doanh nghiệp nhà nước, thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Thông tư này.

3. Người lao động chịu trách nhiệm về nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của mình; chủ động, tích cực phối hợp với Ban Thanh tra nhân dân và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trong việc xác minh, kiểm tra, giám sát đối với các nội dung mà mình đã kiến nghị, đề nghị.

Điều 59. Xử lý kết quả kiểm tra, giám sát của người lao động tại doanh nghiệp nhà nước

Thực hiện theo quy định tại Điều 80 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

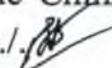
Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 60. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ~~15~~... tháng ~~12~~... năm 2025.
2. Thông tư số 165/2018/TT-BQP ngày 01 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quân nhân trong Quân đội nhân dân Việt Nam; Thông tư số 46/2015/TT-BQP ngày 16 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc trong doanh nghiệp Quân đội hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.
3. Trường hợp các văn bản được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 61. Trách nhiệm thi hành

Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, chỉ huy các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. / 

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ Quốc phòng⁽⁰⁸⁾;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Các đơn vị trực thuộc QUTW-BQP⁽⁵⁸⁾;
- Thanh tra BQP, Cục Tài chính/BQP;
- Vụ Pháp chế/BQP; **CAH**;
- Các cục: Quân huấn, Quân lực/BTTM;
- Cục Kiểm tra văn bản pháp luật/Bộ Tư pháp;
- Cổng Thông tin điện tử BQP;
- Lưu: VT, NC. Hg77.

BỘ TRƯỞNG



Đại tướng Phan Văn Giang

PHỤ LỤC 1

Chương trình, trang trí đại hội quân nhân

(Kèm theo Thông tư số 12 /2024/TT-BQP ngày 31 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

I. CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI

- Chào cờ, hát Quốc ca.
- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.
- Bầu Chủ tịch đại hội: Giới thiệu số lượng và danh sách (từ 01 đến 03 người), đại hội biểu quyết bằng hình thức giơ tay.
- Chủ tịch đại hội điều hành bầu thư ký đại hội.
- Chủ tịch đại hội thông qua chương trình, thời gian đại hội.
- Trình bày dự thảo Báo cáo kết quả thực hiện dân chủ trong nhiệm kỳ, phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tới; Báo cáo kiểm điểm của Hội đồng quân nhân trong nhiệm kỳ; thảo luận, kết luận và biểu quyết thông qua.
- Bầu Hội đồng quân nhân, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quân nhân nhiệm kỳ mới.

Quán triệt tiêu chuẩn, nguyên tắc bầu cử; biểu quyết số lượng ủy viên Hội đồng quân nhân và danh sách đề cử, ứng cử Hội đồng quân nhân nhiệm kỳ mới.

Đại hội bầu tổ kiểm phiếu và tiến hành bầu cử.

- Bế mạc đại hội, chào cờ, hát Quốc ca.

II. TRANG TRÍ ĐẠI HỘI

Trên cùng là khẩu hiệu “Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm”.
Cờ Tổ quốc, dưới cờ Tổ quốc là ảnh hoặc tượng chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nội dung tiêu đề Đại hội:

..... (tên đơn vị)
ĐẠI HỘI QUÂN NHÂN
Nhiệm kỳ
(Địa danh), ngày tháng năm

Ghi chú: Các khẩu hiệu chỉ đạo tư tưởng, hành động, tuyên truyền, cổ động của đại hội quân nhân do cơ quan, đơn vị xác định.

PHỤ LỤC 2

Chương trình, trang trí hội nghị (đại biểu) người lao động
(Kèm theo Thông tư số 11/2024/TT-BQP ngày 31 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

I. CHƯƠNG TRÌNH HỘI NGHỊ

1. Thông qua chương trình hội nghị.
2. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, bầu chủ trì và thư ký hội nghị.
3. Báo cáo tư cách đại biểu tham dự hội nghị (nếu là hội nghị đại biểu). Ban tổ chức hội nghị có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo tư cách đại biểu (không bầu ban thẩm tra tư cách đại biểu).
4. Người sử dụng lao động báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm trước (những nội dung liên quan đến việc làm, đời sống, thu nhập của người lao động; điều kiện làm việc và các biện pháp cải thiện điều kiện làm việc); phương hướng nhiệm vụ năm tới; báo cáo công khai tài chính, trích lập và sử dụng các quỹ phúc lợi, khen thưởng, trích nộp kinh phí công đoàn, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp;
5. Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở báo cáo kết quả hội nghị người lao động của các cơ quan, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp; kết quả thực hiện nghị quyết hội nghị người lao động; kết quả kiểm tra, giám sát thực hiện hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy định, quy chế của doanh nghiệp có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động; kết quả đối thoại trong doanh nghiệp.
6. Ban Thanh tra nhân dân báo cáo kết quả công tác của Ban Thanh tra nhân dân năm trước (nhiệm kỳ), phương hướng hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân năm tới (nhiệm kỳ mới).
7. Thảo luận.
8. Giải đáp kiến nghị, kết luận phản thảo luận.
9. Bầu, kiện toàn thành viên đại diện tập thể lao động tham gia đối thoại (định kỳ 02 năm một lần); bầu mới, kiện toàn Ban Thanh tra nhân dân (nhiệm kỳ 02 năm một lần).
10. Ký kết thỏa ước lao động tập thể (nếu có).
11. Tổ chức khen thưởng, phát động thi đua, ký giao ước thi đua (nếu có).
12. Biểu quyết thông qua nghị quyết hội nghị người lao động.

II. MAKET HỘI NGHỊ

Logo doanh nghiệp (nếu có)	Logo Công đoàn Việt Nam
Tên cấp trên trực tiếp Tên doanh nghiệp	
HỘI NGHỊ (ĐẠI BIỂU) NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM... <i>(Địa danh), ngày tháng năm</i>	

* Ngoài phong chính trang trí như trên, căn cứ vào đặc thù hội trường mỗi doanh nghiệp có thể bố trí các khẩu hiệu hai bên và trang trí thêm hoa tươi, trưng bày các công trình, sáng kiến, đề tài, sản phẩm...tạo thêm bầu không khí sôi nổi cho ngày hội của những người lao động./.